TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 29-3-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-6-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị G, nơi ĐKHKTT: Tổ N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn K, nơi ĐKHKTT: Tổ N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Tổ T, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Đỗ Phương T- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20-3-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Gtrình bày:Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 04-6-2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống cùng gia đình anh K tại tổ N, phường V, quận Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị cùng con trai là Nguyễn Văn T đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn C, xã B, huyện N, tỉnh N, sống từ năm 2003 đến nay và không lần nào quay về nhà chung sống với anh K. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm, lối sống. Nay, chị Gxác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh Kcó 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-9-2001. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Ktrình bày: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đúng như chị Đoàn Thị G đã trình bày. Từ năm 2003 đến nay, chị G cùng cháu T đã về nhà mẹ đẻ ở Nam Định sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay, chị G có đơn ly hôn, anh cũng xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị sống ly thân đã nhiều năm nên đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh và chị Gcó 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-9-2001. Ly hôn, anh đề nghị giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang bị bệnh, kinh tế khó khăn, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh K, thể hiện: Do anh chị có mâu thuẫn nên từ năm 2003 đến nay đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do anh K bị bệnh, tính tình thay đổi nên anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Mâu thuẫn giữa chị G và anh K đã trầm trọng, anh chị sống ly thân từ năm 2003 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị G được ly hôn anh K. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Văn T, ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận và phù hợp với nguyện vọng của con chung khi ly hôn nên đề nghị giao con chung cho chị Gtrực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị G và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;khoản 1 Điều 227,khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G được ly hôn anh K; về con chung, giao con chung là Nguyễn Văn T cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Đoàn Thị G nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn Ktại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh K có nơi cư trú tại: Phường V, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227,khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh K.

Về hôn nhân:

[3] Chị G và anh Kkết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Đ (nay là quận Đ), thành phố Hải Phòng ngày 04-6-2001nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh K trình bày thống nhất với ý kiến của chị G và anh K, cũng nhưcác tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do chị G và anh K bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, nên từ năm 2003 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Chị G và anh K thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[5] Xét thấy, chị G và anh K đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị G và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[6] Về con chung: Chị G và anh K có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-9-2001. Ly hôn, anh chị thống nhất đề nghị giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như thỏa thuận về việc nuôi con, nguyện vọng của con chung khi ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Văn Tcho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị G và anh Kkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Glà nguyên đơn nên phải chịu án phí dân s ự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị G, anh Kcó quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227,khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Gđược ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

2.1. Giaocon chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-9-2001cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị G và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị G và anh K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006962 ngày 29-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị G và anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường V, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng